

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST  
Ngày: 15/6/2018  
V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi  
con chung.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Bằng
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Dương Đình Tuấn và bà Đào Hoàng Yên
- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Ông Đặng Cao Cường, cán bộ Toà án nhân dân thành phố Lạng Sơn.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà:* Bà Lục Thị Hoàng Lan, kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2018/TLST-HNGĐ ngày 15/01/2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/5/2018 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị Thu H, sinh năm 1980

Nơi đăng ký HKTT: Khối 6 - Cao Minh, thị xã P, tỉnh V.

Địa chỉ: Số 10/1, đường L, phường H, thành phố L, tỉnh L..

Chỗ ở hiện nay: Số 181, đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.  
Có mặt.

**2. Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Số 10/1, đường L, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/01/2018, lời khai tiếp theo tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Phạm Thị Thu H trình bày:

Về hôn nhân: Vợ chồng chị chung sống với nhau từ năm 2006 và có đăng ký kết hôn vào ngày 24/5/2007 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi cưới nhau được khoảng hơn 01 năm, đến năm 2007 thì anh T

thường xuyên vay nợ và cầm xe máy, chị đã nhiều lần phải đứng ra trả nợ và đi chuộc lại tài sản về cho anh T. Chị cũng đã nhờ bố mẹ chồng và anh em khuyên bảo nhiều lần để níu giữ hạnh phúc gia đình nhưng anh T không thay đổi. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn khi anh T phải đi chấp hành án hình phạt tù 02 năm tại Trại giam N, tỉnh Bắc Giang về tội liên quan đến ma túy, tuy nhiên chị vẫn cố gắng cho anh T một cơ hội vì con chung của vợ chồng. Sau khi chấp hành án xong, anh T vẫn ngựa quen đường cũ, thường xuyên đi chơi đêm, nghiện ma túy đá, không chịu tu chí làm ăn, không quan tâm, chăm sóc mẹ con chị H, giữa chị và anh Nguyễn Văn T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng, không thể hòa giải được. Chị H và anh T đã sống ly thân từ hơn 01 năm nay, ngoài ra gia đình anh T còn có 02 anh em trai cũng mắc vào tệ nạn xã hội, đó là môi trường không tốt ảnh hưởng rất xấu đến sự phát triển cho con gái chị sau này. Tình cảm giữa chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T không còn, nên cuộc sống hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Nguyễn Khánh L, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2007. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Tại đơn khởi kiện, chị Phạm Thị Thu H yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng số tiền 3.000.000 đồng, tại bản khai ngày 03 tháng 4 năm 2018 chị Phạm Thị Thu H trình bày hiện nay chị đang làm việc tại cửa hàng thẩm mỹ viện Trang Vân, tiền lương hàng tháng là 6.000.000 đồng cùng với doanh thu dịch vụ hàng tháng, tổng thu nhập trung bình của chị là 15.000.000 đồng/ 01 tháng, đủ để đảm bảo cuộc sống của hai mẹ con. Chị không yêu cầu anh Nguyễn Văn T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập họp lệ anh Nguyễn Văn T tham gia các giai đoạn tố tụng để anh T thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh Nguyễn Văn T đều vắng mặt, không thông báo lý do cho Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Thu H. Nên Tòa án đã tiến hành giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn chấp hành nghiêm túc quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Thu H với anh Nguyễn Văn T. Giao cháu Nguyễn Khánh L cho chị Phạm Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, giáo dục là phù hợp pháp luật. Chị Phạm Thị Thu H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của vụ án cho anh Nguyễn Văn T. Nhưng tất cả những lần được triệu tập anh T đều vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật và đây là lần thứ hai anh T vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Văn T theo thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định.

[2] Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật được thể hiện tại Giấy chứng nhận kết hôn số 51 ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T. Căn cứ lời khai của đương sự và kết quả xác minh, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định: Sau khi chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T kết hôn được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn giữa chị H và anh T, mặc dù đã được gia đình nhà anh T khuyên bảo tuy nhiên tình trạng hôn nhân không được cải thiện. Chị H và anh T đã sống ly thân với nhau từ hơn 01 năm nay, nguyên nhân là do anh T mắc vào tệ nạn xã hội là nghiện ma túy đá, không chăm lo cho đời sống gia đình.

[4] Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Thu H với anh Nguyễn Văn T theo quy định tại khoản 1 Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là Nguyễn Khánh L, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2007, hiện nay cháu L đang ở cùng với chị H. Tại bản tự khai ngày 26 tháng 3 năm 2018, cháu Nguyễn Khánh L thể hiện ý chí và nguyện vọng được ở với mẹ. Hiện tại chị Phạm Thị Thu H có mức thu nhập ổn định lương hàng tháng là 6.000.000 đồng. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của chị Phạm Thị Thu H.

[6] Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Phạm Thị Thu H không yêu cầu.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[8] Về án phí: Chị Phạm Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Áp dụng:**

- Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56, Điều 57 và các Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khánh L sinh ngày 06 tháng 6 năm 2007 cho chị Phạm Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành.

Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm con chung, không ai được cản trở theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn theo biên lai số AA/2012/02598 ngày 15/01/2018.

Chị Phạm Thị Thu H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

### **Nơi nhận**

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSNDTP Lạng Sơn;
- CCTHADS TP Lạng Sơn
- UBND phường Hoàng Văn Thụ;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Nguyễn Văn Bằng**